KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	15,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	-3.1%	-8.1%

2024

DT thuần **30,229** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 19,247 ▲ 175%

2024

LN gộp **2,674** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 1,642 ▲ 159%

2024

LN thuần **295** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 228 ▲ 343%

2024

LN sau thuế **305** *tỷ VNĐ*

YoY ▲ 249 ▲ 441%

2024

ROE **1.4%**

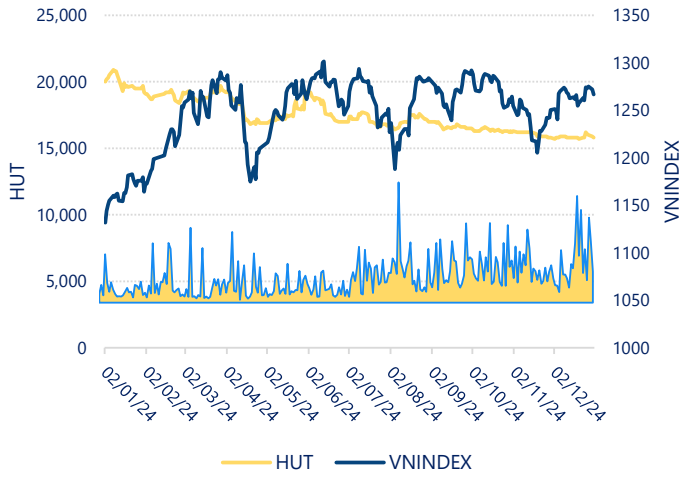
+/- YoY ▲ 0.7%

2024

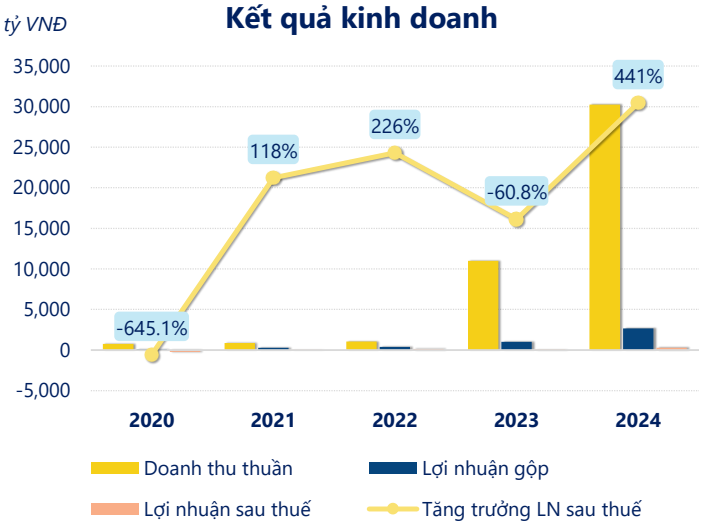
ROA **0.6%**

+/- YoY ▲ 0.3%

Lịch sử giá

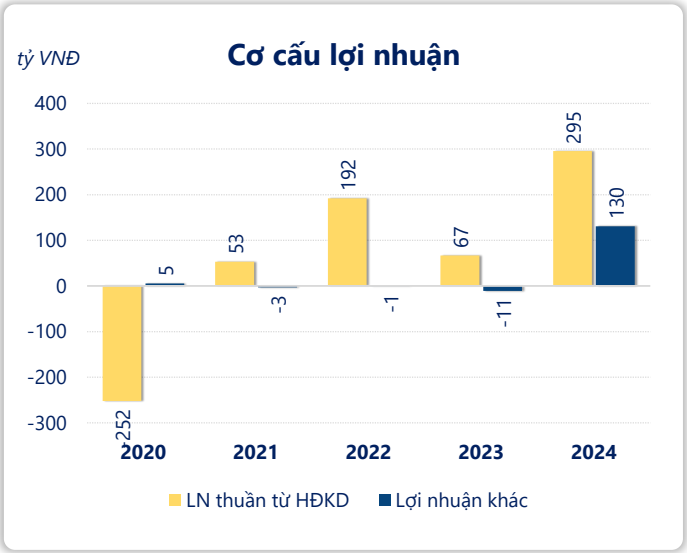


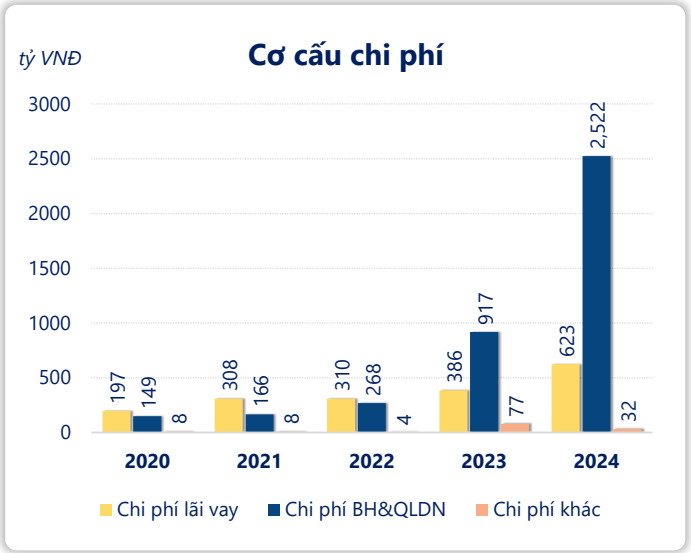
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **HUT** ghi nhận doanh thu thuần **30,229** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **304.7** tỷ đồng, lần lượt **tăng 175%** và **tăng 441%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **1.37%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

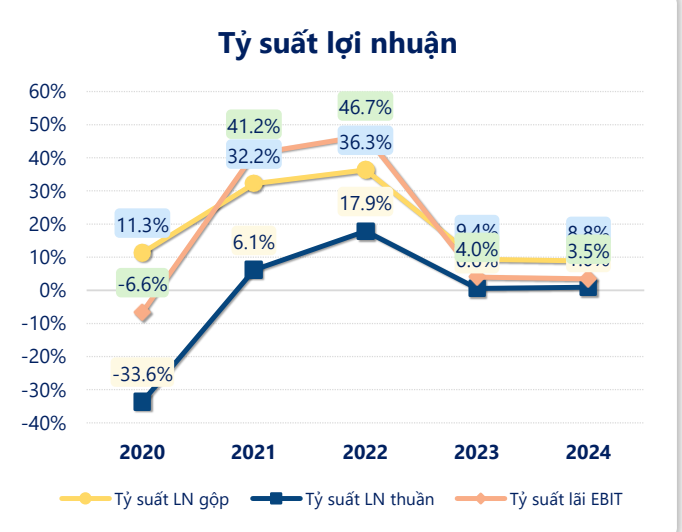


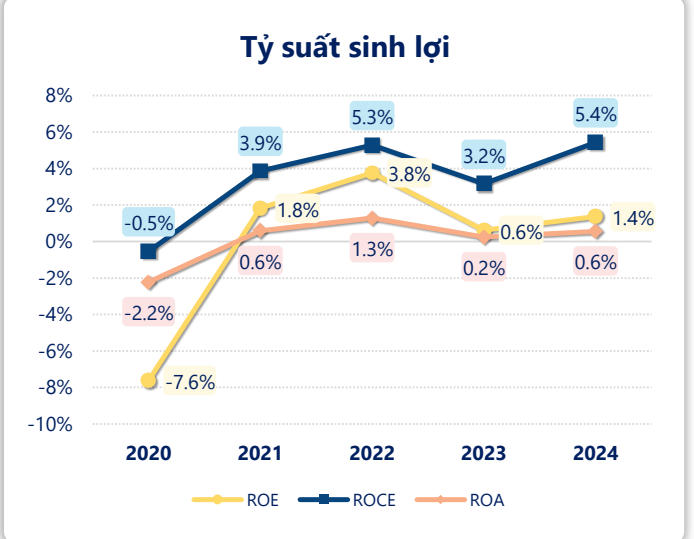


Năm **2024**, **HUT** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **295.5** tỷ đồng, **tăng lên 228.7** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (70.95 tỷ đồng) là 224.5 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

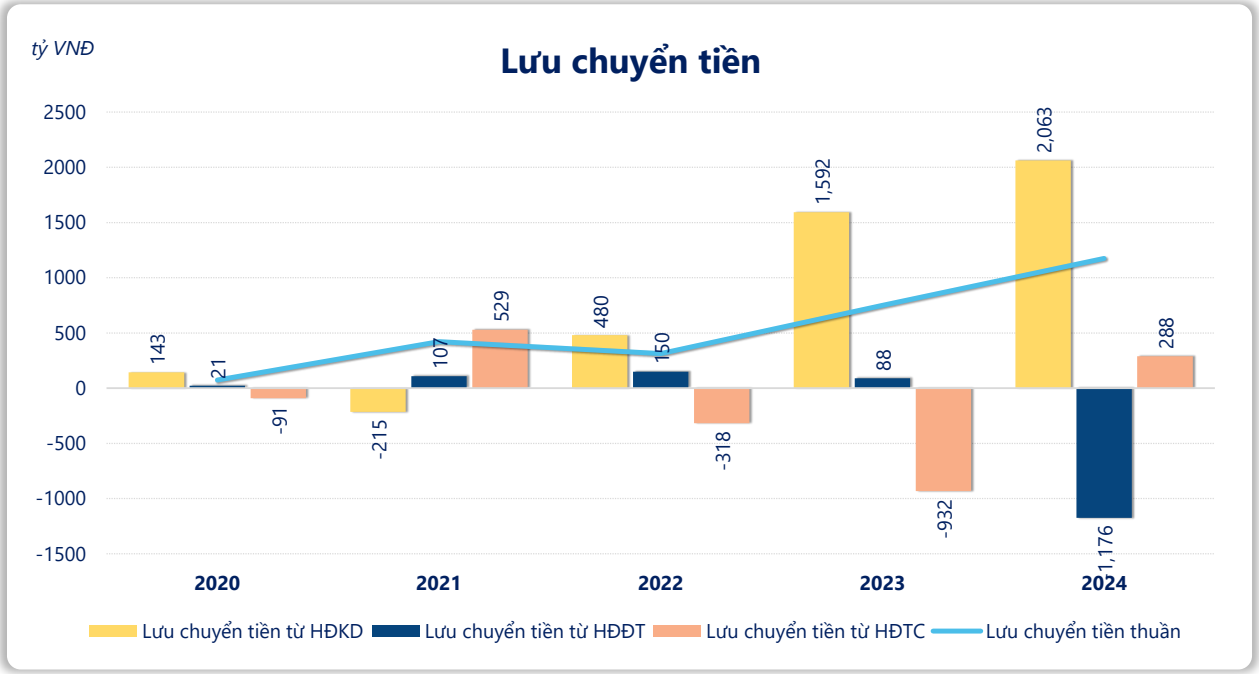
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **623.5** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **2,522** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **31.84** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của HUT năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **1.37%**, **cao hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**751**	**870**	**1,073**	**10,982**	**30,229**
Giá vốn hàng bán	665	590	683	9,950	27,555
Lợi nhuận gộp	**85.2**	**280**	**390**	**1,032**	**2,674**
Doanh thu HĐTC	60.3	241	368	376	875
Chi phí TC	238	308	311	406	706
Chi phí lãi vay	**197**	**308**	**310**	**386**	**623**
LN trong công ty LKLD	-11.0	6.16	12.1	-18.6	-25.1
Chi phí bán hàng	28.3	63.2	25.1	378	1,129
Chi phí QLDN	121	103	243	538	1,393
LN thuần từ HĐKD	**-252**	**53.2**	**192**	**66.8**	**295**
Lợi nhuận khác	5.33	-3.00	-0.71	-10.9	130
LN trước thuế	**-247**	**50.2**	**191**	**55.8**	**426**
Lợi nhuận sau thuế	**-243**	**44.2**	**144**	**56.3**	**305**
LNST của CĐ cty mẹ	**-235**	**61.6**	**145**	**47.2**	**156**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của HUT bằng **1,175** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (748.3 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **2,063** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-1,176** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **287.5** tỷ đồng.